

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ  
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 8 - 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Cao Thị Hồng Minh
- Bà Nguyễn Thị Lan

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2024/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/QĐST - HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024, Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lò Thị D. Địa chỉ: Đội X, Bản H, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Văn C. Địa chỉ: Số nhà X, tổ dân phố Y, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lò Thị D và ông Lê Văn C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 24/7/2013. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp về nhiều mặt. Hiện đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương, chia sẻ gì với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Diên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Bà D, ông C có hai con chung là Lê Yến N - sinh ngày 07/11/2013 và Lê Quỳnh A - sinh ngày 26/4/2017. Hiện các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Cháu Yến N đang ở với bố, cháu Quỳnh A đang ở với mẹ. Bà D yêu cầu: Sau khi ly hôn, bà D sẽ nuôi cháu Lê Quỳnh A, ông C sẽ nuôi cháu Lê Yến N, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bà D đề nghị xét xử vắng mặt.

### *2. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/6/2024 bị đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà D tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ vào ngày 24/7/2013. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp về nhiều mặt. Hiện đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay bà D yêu cầu ly hôn, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông C đồng ý ly hôn, yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải vì vợ chồng không còn tình cảm, không yêu thương, chia sẻ với nhau. Đề nghị Tòa sớm giải quyết để ông C, bà D ổn định cuộc sống. Ông C xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lê Yến N - sinh ngày 07/11/2013 và Lê Quỳnh A - sinh ngày 26/4/2017. Hiện các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Cháu N đang ở với bố, cháu A đang ở với mẹ. Ông C nhất trí với việc bà D yêu cầu: Sau khi ly hôn, bà D sẽ nuôi cháu Quỳnh A, ông C sẽ nuôi cháu Yến N, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có khoản nợ nào.

### *3. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trên cơ sở đơn khởi kiện và việc thụ lý vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ

án; việc lập hồ sơ vụ án cũng như trình tự, thủ tục giải quyết vụ án đảm bảo, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) cũng như các quy định pháp luật có liên quan.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70,71/BLTTDS. Các tài liệu, chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp đảm bảo đúng quy định tại Điều 95/BLTTDS.

Đối với bị đơn: Không trả lời thông báo thụ lý vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình vi phạm quy định tại Điều 70, 72/BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào điều 28, 36/BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình:

- Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lò Thị D về việc ly hôn với ông Lê Văn C.

- Về con chung: Giao cháu Lê Quỳnh A - sinh ngày 26/4/2017 cho bà D, giao cháu Lê Yến N - sinh ngày 07/11/2013 cho ông C chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc người trực tiếp nuôi con có thể thay đổi nếu các bên có thỏa thuận hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Bà Diên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án do Tòa án đã tiến hành biện pháp thu thập tài liệu, chứng cứ lấy lời khai của đương sự nên đã thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để cử kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

- Về việc vắng mặt đương sự: Các đương sự đều đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238/BLTTDS HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 24/7/2013 của UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn cùng lời khai của các đương sự, có căn cứ xác định: Bà Diên và ông Chiến có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên vào ngày 24/7/2013 là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình giải quyết các đương sự đều thống nhất nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không hòa hợp về nhiều mặt. Hiện đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay.

Do đó có căn cứ về việc bà D, ông C đã sống ly thân, hiện không còn quan tâm gì đến nhau, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng (nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau...) làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện và giải quyết cho bà D được ly hôn với ông C.

[3.2] Về con chung:

Bà D, ông C thống nhất có 02 con chung là cháu Lê Yên N - sinh ngày 07/11/2013 và Lê Quỳnh A - sinh ngày 26/4/2017. Hiện các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường, vợ chồng mỗi người đang nuôi một con. Hai bên đều có ý kiến thống nhất sau khi ly hôn bà D sẽ nuôi cháu Lê Quỳnh A - sinh ngày 26/4/2017, ông C sẽ nuôi cháu Lê Yên N - sinh ngày 07/11/2013. Xét thấy, yêu cầu giải quyết về con chung của bà D phù hợp với ý kiến của ông C, phù hợp với thực tế và nguyện vọng của các con, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên. Do đó, căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu giải quyết về con chung của bà D.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự đều có ý kiến không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Do đương sự thống nhất không có nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Từ những phân tích trên, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Diên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lò Thị D.

1. Về hôn nhân: Bà Lò Thị D được ly hôn với ông Lê Văn C.

2. Về con chung: Bà Lò Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Quỳnh A - sinh ngày 26/4/2017. Ông Lê Văn C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Yên N - sinh ngày 07/11/2013 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có thay đổi khác. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lò Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000964 ngày 14/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (Bà D đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân TP ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Minh Huệ**